| | |
|---|---|
| **CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA KIÊN KHANG**<br><br>PHÒNG KHÁM ĐA KHOA KIÊN KHANG<br>---<br>Số: 0105/KK-KKG<br>(V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>---<br><br>*Đồng Nai, ngày 08 tháng 05 năm 2026* |

Kính gửi: **Sở Y Tế Đồng Nai**

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Kiên Khang gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 08/05/2026.

Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Kiên Khang xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu: VP

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 3604020692 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA KIÊN KHANG
TỈNH ĐỒNG NAI

**GĐ. LÂU TẮC SỎI**

- Họ và tên người nộp văn bản: Võ Phi Vương
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 64, đường Bùi Văn Hòa, KP 11, Trấn Biên, Đồng Nai.
- Số điện thoại liên lạc: 0923.927.223
- Email: phongkhamkienkhang2025@gmail.com
- Số fax: .....

Scanned with CamScanner

**GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ**

**CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN**

*(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)*

Scanned with CamScanner

CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM
ĐA KHOA KIÊN KHANG

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA KIÊN KHANG
---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---

*Đồng Nai, ngày 08 tháng 05 năm 2026*

# BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

*(Kèm theo công văn số: 0105/KK-KKG ngày 08 tháng 05 năm 2026 của Phòng khám đa khoa Kiên Khang về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)*

## 1. Mức giá kê khai bán trong nước:

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách | Đơn vị tính | Loại giá (bán buôn, bán lẻ) | Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai) | Giá kê khai kỳ này | Thời điểm định giá, điều chỉnh giá | Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước | Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 2. | Ghi điện tim cấp cứu tại giường | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 3. | Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục | | Lần | bán lẻ | | 270,000 | | | | |
| 4. | Làm test phục hồi máu mao mạch | | Lần | bán lẻ | | 270,000 | | | | |
| 5. | Chăm sóc catheter tĩnh mạch | | Lần | bán lẻ | | 150,000 | | | | |
| 6. | Theo dõi $SPO_2$ liên tục tại giường | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 7. | Thở oxy qua mặt nạ không có túi | | Lần | bán lẻ | | 570,000 | | | | |
| 8. | Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) | | Lần | bán lẻ | | 400,000 | | | | |
| 9. | Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em | | Lần | bán lẻ | | 1,000,000 | | | | |
| 10. | Bóp bóng ambu qua mặt nạ | | Lần | bán lẻ | | 360,000 | | | | |
| 11. | Đặt nội khí quản | | Lần | bán lẻ | | 540,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12. | Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu | | Lần | bán lẻ | | 600,000 | | | | |
| 13. | Rút ống nội khí quản | | Lần | bán lẻ | | 400,000 | | | | |
| 14. | Thông bàng quang | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 15. | Thụt tháo | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 16. | Thụt giữ | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 17. | Đặt ống thông hậu môn | | Lần | bán lẻ | | 900,000 | | | | |
| 18. | Cố định tạm thời người bệnh gãy xương | | Lần | bán lẻ | | 350,000 | | | | |
| 19. | Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng | | Lần | bán lẻ | | 450,000 | | | | |
| 20. | Bóp bóng ambu qua mặt nạ | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 21. | Điện tim thường | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 22. | Hút đờm hầu họng | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 23. | Đặt sonde bàng quang | | Lần | bán lẻ | | 1,000,000 | | | | |
| 24. | Đo lượng nước tiểu 24h | | Lần | bán lẻ | | 300,000 | | | | |
| 25. | Đặt ống thông hậu môn | | Lần | bán lẻ | | 900,000 | | | | |
| 26. | Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ | | Lần | bán lẻ | | 20,000,000 | | | | |
| 27. | Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su | | Lần | bán lẻ | | 30,000,000 | | | | |
| 28. | Nội soi hậu môn ống cứng | | Lần | bán lẻ | | 18,000,000 | | | | |
| 29. | Siêu âm ổ bụng | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 30. | Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân | | Lần | bán lẻ | | 400,000 | | | | |
| 31. | Thụt thuốc qua đường hậu môn | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 32. | Hút ổ viêm/áp xe phần mềm | | Lần | bán lẻ | | 1,500,000 | | | | |
| 33. | Siêu âm phần mềm (một vị trí) | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 34. | Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn | | Lần | bán lẻ | | 40,000,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 35. | Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện | | Lần | bán lẻ | | 40,000,000 | | | | |
| 36. | Điều trị hạt cơm bằng đốt điện | | Lần | bán lẻ | | 26,000,000 | | | | |
| 37. | Điều trị u mềm treo bằng đốt điện | | Lần | bán lẻ | | 35,000,000 | | | | |
| 38. | Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện | | Lần | bán lẻ | | 23,800,000 | | | | |
| 39. | Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện | | Lần | bán lẻ | | 13,800,000 | | | | |
| 40. | Điều trị sẩn cục bằng đốt điện | | Lần | bán lẻ | | 21,800,000 | | | | |
| 41. | Điều trị bớt sùi bằng đốt điện | | Lần | bán lẻ | | 16,800,000 | | | | |
| 42. | Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn | | Lần | bán lẻ | | 18,800,000 | | | | |
| 43. | Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản | | Lần | bán lẻ | | 400,000 | | | | |
| 44. | Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất | | Lần | bán lẻ | | 18,800,000 | | | | |
| 45. | Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang | | Lần | bán lẻ | | 10,500,000 | | | | |
| 46. | Dẫn lưu nước tiểu bàng quang | | Lần | bán lẻ | | 6,500,000 | | | | |
| 47. | Dẫn lưu áp xe khoang Retzius | | Lần | bán lẻ | | 3,000,000 | | | | |
| 48. | Dẫn lưu bàng quang đơn thuần | | Lần | bán lẻ | | 4,500,000 | | | | |
| 49. | Phẫu thuật cắt dị tật hậu môn - trực tràng, làm lại niệu đạo | | Lần | bán lẻ | | 2,000,000 | | | | |
| 50. | Phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm | | Lần | bán lẻ | | 30,000,000 | | | | |
| 51. | Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật | | Lần | bán lẻ | | 30,000,000 | | | | |
| 52. | Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie) | | Lần | bán lẻ | | 46,000,000 | | | | |
| 53. | Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài | | Lần | bán lẻ | | 38,000,000 | | | | |
| 54. | Cắt hẹp bao quy đầu | | Lần | bán lẻ | | 46,000,000 | | | | |
| 55. | Mở rộng lỗ sáo | | Lần | bán lẻ | | 46,000,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 56. | Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản | | Lần | bán lẻ | | 30,000,000 | | | | |
| 57. | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản | | Lần | bán lẻ | | 30,000,000 | | | | |
| 58. | Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6h, tạo hình hậu môn | | Lần | bán lẻ | | 46,000,000 | | | | |
| 59. | Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn | | Lần | bán lẻ | | 30,000,000 | | | | |
| 60. | Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...) | | Lần | bán lẻ | | 46,000,000 | | | | |
| 61. | Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản | | Lần | bán lẻ | | 30,000,000 | | | | |
| 62. | Các phẫu thuật hậu môn khác | | Lần | bán lẻ | | 46,000,000 | | | | |
| 63. | Phẫu thuật cắt – tạo hình hãm da bao quy đầu dương vật | | Lần | bán lẻ | | 35,000,000 | | | | |
| 64. | Thay băng | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 65. | Cắt chỉ | | Lần | bán lẻ | | 300,000 | | | | |
| 66. | Dẫn áp xe quanh hậu môn - bìu (trong hoại tử Fournier) | | Lần | bán lẻ | | 35,000,000 | | | | |
| 67. | Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn | | Lần | bán lẻ | | 18,800,000 | | | | |
| 68. | Cắt và khâu tầng sinh môn | | Lần | bán lẻ | | 5,000,000 | | | | |
| 69. | Kiểm soát tử cung | | Lần | bán lẻ | | 10,000,000 | | | | |
| 70. | Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn | | Lần | bán lẻ | | 300,000 | | | | |
| 71. | Khám thai | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 72. | Trích áp xe tầng sinh môn | | Lần | bán lẻ | | 12,280,000 | | | | |
| 73. | Lấy dị vật âm đạo | | Lần | bán lẻ | | 12,000,000 | | | | |
| 74. | Khâu rách cùng đồ âm đạo | | Lần | bán lẻ | | 20,000,000 | | | | |
| 75. | Trích áp xe tuyến Bartholin | | Lần | bán lẻ | | 12,280,000 | | | | |
| 76. | Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh | | Lần | bán lẻ | | 15,000,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 77. | Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn | | Lần | bán lẻ | | 48,000,000 | | | | |
| 78. | Khám phụ khoa | | Lần | bán lẻ | | 400,000 | | | | |
| 79. | Làm thuốc âm đạo | | Lần | bán lẻ | | 8,800,000 | | | | |
| 80. | Đặt và tháo dụng cụ tử cung | | Lần | bán lẻ | | 1,500,000 | | | | |
| 81. | Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không | | Lần | bán lẻ | | 35,000,000 | | | | |
| 82. | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần | | Lần | bán lẻ | | 8,800,000 | | | | |
| 83. | Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ | | Lần | bán lẻ | | 20,000,000 | | | | |
| 84. | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không | | Lần | bán lẻ | | 30,800,000 | | | | |
| 85. | Cấy - tháo thuốc tránh thai | | Lần | bán lẻ | | 8,000,000 | | | | |
| 86. | Siêu âm tuyến giáp | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 87. | Siêu âm các tuyến nước bọt | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 88. | Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 89. | Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến) | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 90. | Siêu âm tử cung phần phụ | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 91. | Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối) | | Lần | bán lẻ | | 350,000 | | | | |
| 92. | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng | | Lần | bán lẻ | | 300,000 | | | | |
| 93. | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo | | Lần | bán lẻ | | 350,000 | | | | |
| 94. | Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 95. | Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 96. | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 97. | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 98. | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 99. | Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 100. | Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....) | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 101. | Siêu âm tinh hoàn hai bên | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 102. | Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên | | Lần | bán lẻ | | 300,000 | | | | |
| 103. | Siêu âm dương vật | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 104. | Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 105. | Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động. | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 106. | Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 107. | Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 108. | Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 109. | Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) bằng máy bán tự động | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 110. | Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công | | | | | | | | | |
| 111. | Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 112. | Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 113. | Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 114. | Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 115. | Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 116. | Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 117. | Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 118. | Định lượng Glucose [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 119. | Định lượng Globulin [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 120. | Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 121. | Định lượng Urê máu [Máu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 122. | Định lượng Amylase [niệu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 123. | Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 124. | Định lượng Glucose (niệu) | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 125. | Định tính Opiate (test nhanh) [niệu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 126. | Định tính Morphin (test nhanh) [niệu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 127. | Định tính Codein (test nhanh) [niệu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 128. | Định tính Heroin (test nhanh) [niệu] | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 129. | Định lượng Urê (niệu) | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 130. | Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động) | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 131. | Vi khuẩn nhuộm soi | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 132. | Vi khuẩn test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 250,000 | | | | |
| 133. | Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 134. | Neisseria meningitidis nhuộm soi | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 135. | Chlamydia test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 136. | Helicobacter pylori Ag test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 137. | Helicobacter pylori Ab test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 138. | Virus test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 139. | HBsAg test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 140. | HBsAb định lượng | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 141. | HCV Ab test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 142. | HIV Ab test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 143. | Dengue virus NS1Ag test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 144. | Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 145. | Influenza virus A, B test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 146. | Rotavirus test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 147. | Rubella virus Ab test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 148. | Vi nấm soi tươi | | Lần | bán lẻ | | 210,000 | | | | |
| 149. | Vi nấm test nhanh | | Lần | bán lẻ | | 210,000 | | | | |
| 150. | Vi nấm nhuộm soi | | Lần | bán lẻ | | 210,000 | | | | |
| 151. | Tiêm trong da | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 152. | Têm dưới da | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 153. | Tiêm bắp thịt | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 154. | Tiêm tĩnh mạch | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 155. | phí truyền 1 chai | | Lần | bán lẻ | | 70,000 | | | | |

Scanned with CamScanner

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 156. | phí truyền 2 chai | | Lần | bán lẻ | | 140,000 | | | | |
| 157. | phí truyền 3 chai | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 158. | phí truyền 4 chai | | Lần | bán lẻ | | 240,000 | | | | |
| 159. | phí truyền 5 chai | | Lần | bán lẻ | | 300,000 | | | | |
| 160. | Rửa phụ khoa đặt thuốc | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 161. | Vệ sinh (phụ khoa) | | Lần | bán lẻ | | 400,000 | | | | |
| 162. | Vệ sinh (Nam khoa) | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 163. | Phí thay băng | | Lần | bán lẻ | | 200,000 | | | | |
| 164. | Phí cắt chỉ | | Lần | bán lẻ | | 100,000 | | | | |
| 165. | Phí nội soi | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |
| 166. | Gửi mẫu sinh thiết | | Lần | bán lẻ | | 500,000 | | | | |

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách | Thị trường xuất khẩu | Đơn vị tính | Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai) | Giá kê khai kỳ này | Thời điểm định giá, điều chỉnh giá | Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước | Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: nêu cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá.

***Ghi chú:***

(1) Tên đơn vị thực hiện kê khai giá.

(2) Số ký hiệu văn bản.

Scanned with CamScanner

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.

- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.

Scanned with CamScanner